

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-ST

Ngày: 04/7/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức
2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội. Địa chỉ: số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Bửu Ch – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân. Địa chỉ số 177 Tôn Đức Thắng, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân. Là Nguyên đơn (theo Quyết định số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Ủy quyền lại cho bà Nguyễn Ngọc N sinh năm 1981 chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân (văn bản ủy quyền số 42/ QĐ – NHCS ngày 06 tháng 6 năm 2022)

Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 10, ấp Phú Hạ, xã Phú X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961, nơi cư trú: tổ 10, ấp Phú Hạ, xã Phú X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(bà N có mặt, ông P, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Ngọc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/04/2005 ông Lê Văn P đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân theo chương trình cho vay hoàn cảnh khó khăn với số tiền vốn là 7.000.000đ, thời hạn trả nợ vay là đến ngày 14/04/2015, đến hạn do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Ngân hàng cho hộ gia đình ông P và bà T gia hạn nợ đến ngày 14/04/2020. Tuy nhiên, đến hạn nhưng ông bà vẫn không thanh toán nợ cho Ngân Hàng, lãi suất trong hạn là 0,25%/tháng, đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 12/10/2021 lãi suất nợ quá hạn là 0,325%/tháng. Đối với khoản vay này hộ gia đình ông P và bà T còn nợ lại ngân hàng vốn là 7.000.000đ và tiền lãi 1.708.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/01/2023). Tổng cộng vốn và lãi là 8.708.000đồng.

Quá trình từ khi vay vốn đến thời gian trả nợ, thời gian cho gia hạn số nợ phía Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, nhắc nhở gia đình ông P và bà T thanh toán khoản nợ vốn và lãi cho Ngân hàng, nhưng vẫn phía ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ, mặc dù gia đình ông bà có khả năng trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả.

Nay bà N đại diện cho Ngân hàng chính sách yêu cầu hộ gia đình Lê Văn P và bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm trả số tiền vay vốn là 7.000.000đ và tiền lãi 1.708.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/01/2023). Tổng cộng vốn và lãi là 8.708.000đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa, bà N đại diện cho Ngân hàng chính sách yêu cầu ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm trả số tiền vay vốn là 7.000.000đ tiền lãi 1.708.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/07/2023). Tổng cộng vốn 7.000.000đ và lãi là 1.708.000 đồng. Tổng cộng là 8.708.000 đồng (tám triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ sổ vay vốn cho vay hoàn cảnh khó khăn với số tiền vốn là 7.000.000đ, thời hạn trả nợ vay là đến ngày 14/04/2015, đến hạn do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Ngân hàng cho hộ gia đình ông P và bà T gia hạn nợ đến ngày 14/04/2020. Tuy nhiên, đến hạn nhưng

ông bà vẫn không thanh toán nợ cho Ngân Hàng, lãi suất trong hạn là 0,25%/tháng, đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 12/10/2021 lãi suất nợ quá hạn là 0,325%/tháng. Đối với khoản vay này hộ gia đình ông P và bà T còn nợ lại ngân hàng vốn là 7.000.000đ và tiền lãi 1.708.000 đồng (tạm tính đến ngày 04/01/2023). Đến nay vẫn không thực hiện, nên ngân hàng khởi kiện là có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông P, bà T liên đới có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 8.708.000 đồng (tám triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội vốn vay là 7.000.000đ và lãi P sinh theo sổ vay vốn cho vay hoàn cảnh khó khăn, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 10, ấp Phú Hạ, xã Phú X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội với ông Lê Văn P (đại diện cho hộ gia đình) và bà T là thành viên hộ có cam kết chịu trách nhiệm liên đới toàn bộ khoản vay, các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng sổ vay vốn theo chương trình cho vay hoàn cảnh khó khăn số tiền 7.000.000đ vào ngày 14/4/2005 thời hạn trả là ngày 14/5/2015. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên P sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết Ngân hàng giải ngân cho hộ ông P.

Căn cứ các chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu gồm sổ vay vốn theo chương trình cho vay hoàn cảnh khó khăn số tiền vay là 7.000.000đ. Tuy nhiên quá trình tổ tụng các đương sự không có ý kiến gì đối với các chứng cứ này. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với ông P, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau theo hình thức sổ vay vốn, theo đó ông P, bà T đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng. Sau khi vay thì hộ ông Phụng, bà Ánh không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã tạo điều kiện đôn đốc, nhắc nhở và các đương sự có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, buộc ông P, bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng đối với số tiền vốn còn nợ của Ngân hàng với số tiền vốn 7.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn căn cứ theo quy định hợp đồng các bên đã ký kết và theo Quyết định số 37/QĐ/HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Ngân hàng về việc khoan nợ từ thời gian 19/12/2019 đến 19/12/2024, trong thời gian này sẽ không P sinh lãi, sau thời gian này sẽ P sinh theo nợ quá hạn và lãi quá hạn, vì vậy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghị nên chấp nhận. Tính đến ngày 04/7/2023 số tiền lãi của khoản vay 7.000.000 đồng là 1.708.000đ; Tổng cộng tiền lãi và vốn là 8.708.000 đồng.

Từ những cơ sở trên nghị nên buộc ông P, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 04/7/2023 của hợp đồng tín dụng tổng cộng là 8.708.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội đối với ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị T

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với số vay vốn hai bên đã ký kết.

Buộc ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay 7.000.000đ và lãi P sinh tính đến ngày 04/7/2023 là 1.708.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 8.708.000 đồng

Kể từ ngày 20/12/2024, ông P, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi P sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận số vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 435.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng)

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân, AG;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc